

**BV MẮT - TMH - RHM
AN GIANG**

**BẢNG GIÁ THUỐC
NHÀ THUỐC THÁNG 10/2026**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
1	Acecyst	N - acetylcystein	Viên	230
2	Acetazolamid	Acetazolamid	Viên	1,181
3	Acritel-10	Levocetirizin dihydroclorid	Viên	3,289
4	Aerius	Desloratadine	Viên	10,186
5	Agi - neurin	Thiamin mononitrat; Pyridoxin hydroclorid, cyanocobalamin	Viên	356
6	Agicetam 800	Piracetam	Viên	368
7	Agi-VitaC	Vitamin C	Viên	213
8	Agi-vitac	Vitamin C	Viên	190
9	Azarga	Brinzolamide/Timolol	Lọ	326,340
10	Azopt	Brinzolamide	Lọ	122,534
11	Bilaxten	Bilastine	Viên	6,573
12	Biocemet DT 500mg / 62,5mg	Amoxicillin + acid clavulanic	Viên	10,112
13	Bluemoxi	Moxifloxacin	Viên	51,681
14	Cefuroxime 500mg	Cefuroxime	Viên	7,797

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
15	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,741
16	Cosopt	Dorzolamid (dưới dạng dorzolamid hydroclorid) + Timolol (dưới dạng timolol maleat)	Lọ	220,500
17	Cravit	Levofloxacin Hydrate	Lọ	94,711
18	Cravit 1.5%	Levofloxacin Hydrate	Lọ	121,799
19	Cravit 25mg/5ml	Levofloxacin Hydrate	Lọ	94,711
20	Daleston - D	Betamethason + Dexchlorpheniramin maleat	Chai	33,705.
21	DAREQ	Desloratadine	Viên	5,676
22	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	136,159
23	Dopagan 500mg	Paracetamol	Viên	541
24	Duotrav	Travoprost + timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Lọ	335,999
25	Ebysta	Calcium carbonate; Sodium Alginate; Sodium bicarbonate	Gói	4,400
26	Effixent	Cefixim (dưới dạng Cefixime trihydrat)	Viên	24,824
27	Efodyl	Cefuroxim	Gói	9,630
28	Eu-Fastmome 50 micrograms /actuation	Mometason furoat	Lọ	366,030
29	Flumetholon 0,1	Fluorometholon	Lọ	34,424

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
30	Flusort	Mỗi liều xịt chứa: Fluticasone propionate	bình	135,344
31	Gaviscon	Natri alginate + Natri bicarbonate + Calci carbonate	Gói	6,564
32	Gaviscon Dual Action	Natri alginat + Natri bicarbonat + Canxi carbonat	Gói	7,942.
33	Halixol	Ambroxol	Viên	1,749
34	Imefed 250mg/31,25mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	8,025
35	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	10,304
36	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	10,058.
37	Imefed DT 250mg/31.25mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	8,774
38	Imefed DT 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	9,844
39	Imefed DT 875mg /125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	12,840
40	IMEFED SC 250mg/62,5mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	9,469
41	Kalium chloratum biomedica	Kali clorid	Viên	1,964
42	Letdion	Levofloxacin	Lọ	89,880
43	Levoleo 750	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 768,7mg)	Viên	16,585

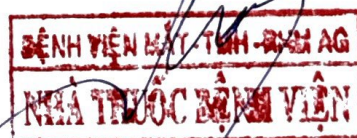
STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
44	Logpatat	Cao Vaccinium myrtillus 50mg; DL- α -Tocopheryl acetate 25mg; L-Citrulline 10mg; N-acetyl-L-aspartic acid 10mg; Pyridoxine hydrochloride 25mg; Retinyl acetate 2500IU	Viên	6,313
45	Magnesi-B6 STELLA Tablet	Magnesium lactate dihydrat (tương đương 48mg Mg ²⁺) + Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6)	Viên	1,023
46	Medaxetine 500 mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Viên	18,618
47	Medrol 16mg	Methylprednisolone	Viên	4,039
48	Medskin clovir 800	Acyclovir	Viên	3,520
49	Meseca	Mỗi liều 0,05ml chứa: Fluticason propionat	Lọ	102,720
50	Methylprednisolon 4mg	Methylprednisolone	Viên	977
51	Metiny	Cefaclor	Viên	10,593
52	Mobic	Meloxicam	Viên	9,761
53	MONITAZONE NASAL SPRAY	Mometason furoat	Lọ	176,400
54	Motilium - M	Domperidone maleate, 10mg Domperidone	Viên	2,242
55	Natrofen	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	Viên	36,738
56	Neurontin	Gabapentin	Viên	12,108

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
57	Nexium Mups	Esomeprazole	Viên	24,028
58	Nolpaza 20mg	Pantoprazol	Viên	6,153
59	Oflovid	Ofloxacin	Lọ	59,783
60	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	Tuýp	79,746
61	Pataday	Olopatadine hydrochloride	Lọ	137,654
62	PM NextG Cal	Hydroxyapatite + Vit D3 + Vit K1 5%	Viên	5,618
63	Pred forte	Prednisolone acetate	Chai/lô	58,849
64	Restasis	Cyclosporin	Ống	19,159.
65	Sagodine	Clorhexidin gluconat 20%	Chai	92,020.
66	Sanlein 0.3	Natri Hyaluronat	Lọ	132,300
67	Solso	Natri clorid	Viên	1,120
68	SRK SALTMAX	Natri clorid	Lọ	35,310
69	Stugeron	Cinnarizin	Viên	853
70	Systane Ultra	Systane Ultra	Lọ	64,307
71	TAFLOTAN	Tafluprost	Lọ	257,038

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
72	Taptiqom-MD	Tafluprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	Lọ	275,518
73	Tebonin	Ginkgo Biloba	Viên	11,535
74	Telfor 60	Fexofenadine HCL	Viên	718
75	Tobradex	Tobramycin + Dexamethason	Lọ	50,610
76	Tobrex	Tobramycin Sulfate	Lọ	42,799
77	Travatan	Travoprost	Lọ	264,914
78	Vicebrol forte	Vinpocetin	Viên	3,080
79	Vigamox 0.5%	Moxifloxacin-Hydroclorid	Chai	96,299
80	ZinC 10	Zinc gluconat (Tương đương Zinc 10mg)	Viên	184

An Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2026

PHỤ TRÁCH NHÀ THUỐC



Đào Châu Khanh